

TECHNICAL DATA SHEET (TDS)

PHIẾU DỮ LIỆU KỸ THUẬT

OLIU SEALER S95

HIGH-BUILD PROTECTIVE ACRYLIC SEALER
SEALER ACRYLIC TẠO MÀNG - BẢO VỆ

Document No.	TDS-OLIU-SEALER-S95	Version	02.2026
Issue date	13 August 2026	Manufacturer	VIETBETON

PRODUCT DESCRIPTION

MÔ TẢ SẢN PHẨM

OLIU SEALER S95 is a proprietary solvent-based acrylic sealer for decorative concrete and cementitious mineral surfaces. Higher film build, stronger surface barrier and greater color enhancement.

OLIU SEALER S95 là sealer acrylic gốc dung môi với công thức độc quyền dành cho bê tông trang trí và các bề mặt khoáng gốc xi măng. Khả năng tạo màng cao hơn, lớp bảo vệ bề mặt dày hơn và tăng chiều sâu màu rõ hơn.

RECOMMENDED USES

ỨNG DỤNG KHUYẾN NGHỊ

Suitable for stamped concrete, decorative concrete, exposed aggregate, terrazzo, microcement and compatible cementitious mineral surfaces. Recommended where stronger film build, color enhancement and surface protection are preferred.

Phù hợp cho bê tông áp khuôn, bê tông trang trí, sỏi rửa, terrazzo, microcement và các bề mặt khoáng gốc xi măng tương thích. Khuyến nghị khi ưu tiên khả năng tạo màng, tăng chiều sâu màu và tạo ngoại quan dày hơn.

KEY FEATURES

ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Higher film build for stronger surface protection.
- Greater color enhancement and fuller surface appearance.
- Helps reduce water and contaminant ingress.
- Ready-to-use solvent-based acrylic system.
- Khả năng tạo màng cao hơn, tăng mức bảo vệ bề mặt.
- Tăng chiều sâu màu và tạo ngoại quan dày hơn.
- Hỗ trợ hạn chế nước và chất bẩn xâm nhập.
- Hệ acrylic gốc dung môi dùng trực tiếp.

TECHNICAL DATA

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Property Chỉ tiêu	Declared / typical range Giá trị công bố / khoảng điển hình
Appearance Trạng thái	Clear to slightly tinted liquid Chất lỏng trong đến hơi có màu
Binder type Loại chất tạo màng	Solvent-based acrylic polymer Polymer acrylic gốc dung môi
Water solubility Độ tan trong nước	Insoluble Không tan
Non-volatile content Hàm lượng không bay hơi	26-28% by mass 26-28% khối lượng
Specific gravity / density Tỷ trọng / khối lượng riêng	0.89-0.95 g/cm³ at 20 °C 0,89-0,95 g/cm³ ở 20 °C
Estimated VOC VOC ước tính	Approx. 620-700 g/L Khoảng 620-700 g/L
Recommended coverage Định mức khuyến nghị	5-10 m²/L/coat 5-10 m²/L/lớp
Touch dry Khô bề mặt	Typically 45-120 min Thông thường 45-120 phút
Recoat interval Thời gian sơn lớp kế	Typically 3-8 h Thông thường 3-8 giờ
Light foot traffic Đi lại nhẹ	Typically ≥ 24 h Thông thường ≥ 24 giờ

OLIU® SEALER S95 | VIETBETON

The declared ranges are intentionally broad and practical. Coverage and drying times vary with substrate porosity, temperature, airflow, application method and film thickness. They are not guaranteed consumption or curing values. A representative trial area should be approved before full application.
Các khoảng công bố được chủ động xây dựng theo hướng thực tế và có biên an toàn. Định mức và thời gian khô thay đổi theo độ hút nền, nhiệt độ, lưu thông không khí, phương pháp thi công và chiều dày màng. Đây không phải mức tiêu hao hoặc thời gian đóng rắn được bảo đảm tuyệt đối. Nên duyệt khu vực mẫu đại diện trước khi thi công đại trà.

APPLICATION

THI CÔNG

Substrate must be sound, clean and fully dry. Remove dust, oil, laitance, curing residues and other bond-breaking contaminants. Apply in thin, uniform coats using a solvent-resistant roller or brush. Suitable spray equipment may be used only with adequate explosion-safe ventilation and appropriate respiratory protection. Avoid puddling and excessive film build. Allow sufficient solvent evaporation between coats.
Nền phải chắc, sạch và khô hoàn toàn. Loại bỏ bụi, dầu, hồ xi măng yếu, cặn bảo dưỡng và các chất cản trở bám dính. Thi công thành lớp mỏng, đồng đều bằng con lăn hoặc chổi chịu dung môi. Chỉ sử dụng thiết bị phun phù hợp khi có thông gió an toàn chống cháy nổ và bảo vệ hô hấp thích hợp. Tránh đọng vũng và tạo màng quá dày. Đảm bảo dung môi thoát đủ giữa các lớp. Apply 1-2 thin coats.

LIMITATIONS

HẠN CHẾ

Do not apply to damp substrates, surfaces with rising moisture, or locations where solvent entrapment may occur. Do not apply near heat, sparks, flames or hot work. Final gloss and color enhancement depend on substrate absorption and applied film thickness. Confirm compatibility on previously treated or very dense surfaces.
Không thi công trên nền ẩm, bề mặt có ẩm ngược hoặc nơi dung môi có thể bị giữ lại. Không thi công gần nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc công việc phát sinh nhiệt. Độ bóng và mức tăng màu cuối cùng phụ thuộc độ hút nền và chiều dày màng thi công. Cần xác nhận tính tương thích trên bề mặt đã xử lý trước hoặc nền rất đặc chắc.

PACKAGING, STORAGE & SHELF LIFE

ĐÓNG GÓI, BẢO QUẢN VÀ HẠN SỬ DỤNG

Packaging: 18 L pail. Store tightly closed in the original container in a cool, dry, well-ventilated place away from direct sunlight, heat and ignition sources. Shelf life: 12 months from the date of manufacture when unopened and stored under recommended conditions.
Đóng gói: thùng 18 L. Đóng kín trong bao bì gốc, bảo quản nơi khô, mát, thông gió tốt, tránh ánh nắng trực tiếp, nhiệt và nguồn gây cháy. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất khi bao bì chưa mở và được bảo quản đúng điều kiện khuyến nghị.

HEALTH & SAFETY

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

Flammable solvent-based product. Use only with adequate ventilation and appropriate personal protective equipment. Refer to the current OLIU SEALER S95 Safety Data Sheet (SDS/MSDS) before use.
Sản phẩm gốc dung môi dễ cháy. Chỉ sử dụng khi thông gió đầy đủ và có phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp. Tham khảo Phiếu An toàn Hóa chất (SDS/MSDS) OLIU SEALER S95 hiện hành trước khi sử dụng.

BASIS OF PRODUCT DATA

CƠ SỞ DỮ LIỆU SẢN PHẨM

Product data are based on the current formulation, raw-material information and practical target ranges. Where a regulated or contractual value is required, the relevant test method and batch-specific quality-control result shall prevail.
Dữ liệu sản phẩm dựa trên công thức hiện hành, thông tin nguyên liệu và các khoảng mục tiêu thực tế. Khi pháp luật hoặc hợp đồng yêu cầu một giá trị cụ thể, phương pháp thử tương ứng và kết quả kiểm soát chất lượng theo lô sẽ được ưu tiên áp dụng.

DOCUMENT AUTHORIZATION

PHÊ DUYỆT TÀI LIỆU

Item Nội dung	Authorization Phê duyệt
Prepared by Lập bởi	VIETBETON CONSTRUCTION COMPANY LIMITED CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIETBETON
Revision Phiên bản	02.2026 02.2026
Authorized Representative Đại diện được ủy quyền	
Signature & Seal Chữ ký & Đóng dấu	
Date Ngày ký	